TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 06 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Đặng Anh Đoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Tiến Dũng – kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa: 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/05/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc Q, sinh năm 1978; địa chỉ: khóm Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Danh Thị Mỹ H, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ 08 khóm Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn ông Phan Ngọc Q trình bày:

Ông Phan Ngọc Q và bà Danh Thị Mỹ H tự tìm hiểu và đi đến sống chung, không tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân năm 2003. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, bà H không quan tâm chăm sóc gia đình nên giữa ông Q và bà H không sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay. Ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, ông Q yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: có 02 con chung tên Phan Thị Bảo Nh, sinh ngày 04/6/2002 (đã trưởng thành) và Phan Thị Bảo H, sinh ngày 17/12/2007 hiện đang sống với ông Q, khi ly hôn ông Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Thị Bảo H, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Danh Thị Mỹ H đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bà Hạnh đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: Ông Phan Ngọc Q từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Bà Danh Thị Mỹ H từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phan Ngọc Q đối với bà Danh Thị Mỹ H; về con chung: có 02 con chung Phan Thị Bảo Nh, sinh ngày 04/6/2002 (đã trưởng thành), nên không xem xét giải quyết, giao con chung Phan Thị Bảo H, sinh ngày 17/12/2007 cho ông Quý được tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Ngọc Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Danh Thị Mỹ H, về con chung bà yêu cầu được nuôi nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Danh Thị Mỹ H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bà Hạnh không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bà H không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Danh Thị Mỹ H.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Phan Ngọc Q với bà Danh Thị Mỹ H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, ông Q cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2022 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, ông Q có yêu cầu được ly hôn với bà H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: ông Q và bà H có 02 con chung tên Phan Thị Bảo Nh, sinh ngày 04/6/2002 (đã trưởng thành), nên không xem xét giải quyết và Phan Thị Bảo H, sinh ngày 17/12/2007 cho ông Q yêu cầu được nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung muốn sống cùng ông Q. Trong quá trình tố tụng bà H không có ý kiến phản hồi về việc yêu cầu nuôi con của ông Q, ý kiến con chung phù hợp với yêu cầu nuôi con của ông Q nên Hội đồng xét xử giao con chung cho ông Q được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Phan Ngọc Q được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc Q, ông Phan Ngọc Q được ly hôn với bà Danh Thị Mỹ H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46, quyển số 01, ngày 11 tháng 08 năm 2003 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho ông Phan Ngọc Q với bà Danh Thị Mỹ H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Phan Thị Bảo Nh, sinh ngày 04/6/2002 (đã trưởng thành) và Phan Thị Bảo H, sinh ngày 17/12/2007. Ông Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Thị Bảo H, sinh ngày 17/12/2007, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phan Ngọc Q

phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0005975, ngày 10/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu